

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cầu Sơn, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 2 (tháng 2/2020)

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống Cẩm Sơn, Sông Thương tại Hữu Lũng, Cổng điều tiết Kè Sơn, Cổng Quang Hiến, Cổng điều tiết Đào Mỹ, Kênh Tây tại TL 295, Cổng Tổ Rồng, Cổng Kè Hoàn, Cổng Hà Vang, Kênh G52, Cầu Quật, Kênh Hà Phú, Kênh Y22, Trạm bơm Bảo Sơn.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Các vị trí đạt giới hạn trên.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Thái Đào.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: Không có vị trí nào.

Chi tiết thể hiện trong bảng sau:

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cổng Cẩm Sơn (hạ lưu hồ Cẩm Sơn)	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 44%, gió BĐB 16 km/h, mật độ mây 91%. Dòng chảy trung bình.	Nước trong xanh.	7.59	4.2	7.56	0.1	0.186	0.290	157	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
2	2	Sông Thương tại Hữu Lũng	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 44%, gió BĐB 16 km/h, mật độ mây 91%. Dòng chảy nhanh.	Nước màu xanh trong.	7.35	5.8	7.75	0.1	0.272	0.304	172	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
3	3	Cổng điều tiết Kè Sơn	Trời nhiều mây, t° = 19°C, độ ẩm 43%, gió BĐB 11 km/h, mật độ mây 87%. Dòng chảy trung bình, cống	Nước màu xanh trong.	7.86	6.2	7.62	0.2	0.179	0.441	288	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Đủ điều kiện</p>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			mở.									Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	4	Cổng Quang Hiến	Trời nhiều mây, t° = 19°C, độ ẩm 43%, gió BĐB 11 km/h, mật độ mây 87%. Dòng chảy trung bình, công mở 2 cửa.	Nước màu xanh trong.	7.7	4	7.6	0.2	0.202	0.536	307	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
5	5	Cổng điều tiết Đào Mỹ (đầu công điều tiết Hòa Mỹ)	Trời nhiều mây, t° = 19°C, độ ẩm 40%, gió BĐB 14 km/h, mật độ mây 60%. Dòng chảy trung bình, mực nước cao.	Nước màu xanh.	8.18	4.9	7.1	0.2	0.186	1.055	289	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	6	Kênh Tây tại TL 295	Trời nhiều mây, t° = 19°C, độ ẩm 40%, gió BĐB 14 km/h, mật độ mây 60%. Dòng chảy chậm. Nhiều rác thải dưới kênh.	Nước màu xanh lục.	7.9	5.5	6.65	0.2	0.287	1.163	288	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	7	Công Tố Rồng (đầu kênh Giữa)	Trời nhiều mây, t° = 16°C, độ ẩm 45%, gió BĐB 10 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy nhanh, công mở thoáng.	Nước màu xanh trong.	7.76	5	7.9	0.2	0.155	0.644	282	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
8	8	Công Kè Hoàn	Trời hửng nắng, t° = 19°C, độ ẩm 40%, gió ĐB 12 km/h, mật độ mây 56%. Dòng chảy trung bình, mực nước cao.	Nước màu xanh trong.	8.06	3.9	7.95	0.2	0.194	1.280	280	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	9	Công Hà Vang	Trời hửng nắng, t° = 19°C, độ ẩm 40%, gió ĐB 12 km/h, mật độ mây 58%. Dòng chảy trung bình, công mở 2 cửa. Dưới kênh nhiều	Nước màu xanh trong.	8.18	3.8	7.62	0.2	0.287	1.222	277	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			rác thải.									Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	10	Công Thái Đào	Trời nhiều mây, t° = 14°C, độ ẩm 50%, gió BĐB 16 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy trung bình, công mở 2 cửa.	Nước màu xanh.	7.63	11.8	7.15	0.2	0.357	0.203	329	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	11	Kênh G52 (cuối kênh)	Trời nhiều mây, t° = 14°C, độ ẩm 50%, gió BĐB 16 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm. Có nhiều rác thải dưới đáy kênh.	Nước màu xanh.	7.81	10.6	7	0.2	0.256	0.243	277	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	12	Cầu Quạt (đầu kênh Yên Lại)	Trời nhiều mây, t° = 16°C, độ ẩm 45%, gió BĐB 10 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy trung bình. Có	Nước màu xanh trong.	7.78	5.1	7.52	0.2	0.171	0.520	290	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			nhiều cỏ nước trôi trên kênh.									Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	13	Kênh Hà Phú	Trời nhiều mây, t° = 15°C, độ ẩm 47%, gió BĐB 16 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy trung bình.	Nước màu xanh.	7.75	5.6	7.5	0.2	0.249	0.506	281	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	14	Kênh Y22 (cuối kênh)	Trời nhiều mây, t° = 15°C, độ ẩm 47%, gió BĐB 16 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy chậm. Dưới kênh có nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	7.46	18.5	6	0.2	0.264	0.383	291	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	15	Trạm bơm Bảo Sơn (đầu kênh Bảo)	Trời nhiều mây, t° = 16°C, độ ẩm 45%, gió BĐB 16 km/h, mật độ mây 99%. Không có dòng chảy. Có	Nước màu xanh lục.	7.62	9.4	6.7	0.2	0.155	1.607	304	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
		Son)	nhiều lá cây và váng bẩn nổi trên mặt kênh.									Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.